BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THANH TRA

Số: 182/KL-TTr

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng

Thực hiện Quyết định số 260/QĐ-TTr ngày 20/6/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng, ngày 15/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2024;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 29/7/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Năm thành lập: 2004.

- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200153370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/9/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/6/2023.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 16 Lạch Tray, phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất và bán buôn/bán lẻ bia rượu.

- Cơ cấu tổ chức sản suất của doanh nghiệp: 04 phòng, 02 phân xưởng sản xuất.

- Điện thoại giao dịch: 0225.3847004 Fax: 0225.3845157.

- Tài khoản giao dịch: số 17907469, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm 30/6/2024): 213 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh (theo báo cáo của doanh nghiệp):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	193.182	193.182	193.182	199.535	199.535
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Triệu đồng	193.182	193.182	193.182	199.535	199.535

3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	315.931	315.866	341.230	315.648	337.578
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	204.271	209.084	227.164	208.589	223.566
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	285.328	285.039	310.812	285.089	304.730
6	Lợi nhuận	Triệu đồng	2.523	2.592	2.727	2.728	2.782
7	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	131.880	130.844	135.500	124.317	134.060

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp đăng thông tin tuyển dụng tại trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và các trang mạng xã hội tuyển dụng, tìm kiếm việc làm.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm 30/6/2024:

+ Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 01 người đang thử việc.

+ Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 212 người.

+ Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 212 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 167 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 45 người.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 42 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 02 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 110.362.500 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã thực hiện đối thoại định kỳ 01 lần/năm và đối thoại khi có vụ việc (sửa đổi thang lương, bảng lương). Trong thời kỳ thanh tra không phát sinh đối thoại theo yêu cầu.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể năm 2022. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng.

+ Đã thực hiện các nội dung thỏa thuận trong thỏa ước lao động tập thể.

+ Nội dung thỏa ước lao động có quy định có lợi hơn cho người lao động so với pháp luật lao động: thưởng định kỳ hằng quý, năm, dịp lễ, tết, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; chế độ tham quan, nghỉ mát hằng năm; thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỉ; tặng quà sinh nhật cho người lao động, tặng quà cho con của người lao động khi có thành tích cao trong học tập và nhân các dịp tết trung thu, quốc tế thiếu nhi 1/6.

+ Thỏa ước lao động tập thể đã được gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng.

- Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp năm 2022.

5. Tiền lương và thu nhập

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Doanh nghiệp đã xây dựng và ban hành hệ thống thang lương, bảng lương và định mức lao động tại Quyết định số 03/2022/NQ-HĐQT/HNP ngày 18/7/2022.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: doanh nghiệp áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MLBQ (triệu đồng/người /tháng)	Số lao động	MLBQ (triệu đồng/người/tháng)
Lao động quản lý	4,00	12,47	3,92	12,06
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	31,25	7,58	31,41	7,47
Công nhân trực tiếp SXKD	28,67	6,47	32,08	6,44
Nhân viên thừa hành, phục vụ	168,41	5,71	149,92	5,71
Tổng số	**232,33**		**217,33**	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) hoặc mức phụ cấp bình quân (MPCBQ):

Các loại phụ cấp	Năm 2022		Năm 2023	
	Số người	MPCBQ (triệu đồng/người/ tháng)	Số người	MPCBQ (triệu đồng/người/ tháng)
Chức vụ	1	2,25	1	2,5
Khác…….(thâm niên)	-	-	-	-
Bình quân chung	**1**	**2,25**	**1**	**2,5**

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về quỹ tiền lương của người lao động năm 2022, 2023 tại các văn bản đề ngày 27/3/2023 và 25/3/2024.

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động hằng năm:

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 26,770 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 27,534 tỷ đồng.

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 28,176 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 27,292 tỷ đồng.

+ Năm 2024: quỹ tiền lương kế hoạch là 27,514 tỷ đồng.

- Đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương, quy chế thưởng cho người lao động tại Quyết định số 03/2022/NQ-HĐQT/HNP ngày 18/7/2022.

- Việc thực hiện phân phối quỹ tiền lương theo từng năm 2022, 2023: doanh nghiệp xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 bằng 27,53 tỷ đồng (tương ứng mức lương bình quân 10,04 triệu đồng/người/tháng); quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 bằng 27,29 tỷ đồng (tương ứng mức lương bình quân 10,65 triệu đồng/người/tháng).

- Về việc trả tiền lương làm thêm giờ, tiền lương làm việc vào ban đêm:

+ Việc trả tiền lương làm thêm giờ: kiểm tra hồ sơ chấm công và bảng thanh toán lương tháng 6/2024, Cửa hàng 16 Lạch Tray có 19 trường hợp chưa được thanh toán tiền làm thêm giờ.

+ Trả lương làm việc vào ban đêm: người lao động làm việc vào ban đêm thì được trả thêm bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc của ngày làm việc bình thường.

- Đã trả lương những ngày nghỉ có hưởng lương cho người lao động.

- Việc trả lương những ngày chưa nghỉ hằng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hằng năm cho người lao động thôi việc: không phát sinh do 42 người lao động thôi việc đã nghỉ hết số ngày nghỉ phép hằng năm.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: người lao động làm việc liên tục từ 05 giờ trở lên trong một ngày được doanh nghiệp hỗ trợ bữa ăn trị giá 28.000 đồng/người/suất. Doanh nghiệp đang tổ chức ăn ca cho người lao động tại bếp của doanh nghiệp, đối với trường hợp được hưởng chế độ ăn ca mà không ăn ca ngày nào thì doanh nghiệp chi trả số tiền ăn ca ngày đó.

- Các khoản phụ cấp khác: phụ cấp trách nhiệm.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Năm 2023		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	Triệu đồng/ người/tháng	13,26	6,20	4,42	13,26	6,16	4,68
2	Phụ cấp	Triệu đồng/ người/tháng	2,50	2,25	2,00	2,50	2,50	2,50
3	Tiền thưởng	Triệu đồng/ người/tháng	58,72	5,32	1,75	55,07	4,98	1,91
4	Thu nhập khác	Triệu đồng/ người/tháng	7,91	2,79	0,50	8,24	3,02	0,50
5	Tổng thu nhập	Triệu đồng/ người/tháng	60,32	12,84	6,43	56,94	13,68	7,07

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Số lượng người quản lý chuyên trách: 04 người (Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị; 02 Phó giám đốc kiêm hội đồng quản trị; 01 Kế toán trưởng).

- Số lượng người quản lý không chuyên trách: 05 người (Chủ tịch công ty, 01 thành viên hội đồng quản trị, 01 Trưởng ban kiểm soát, 02 Kiểm soát viên).

- Người đại diện vốn đã tổng hợp và xin ý kiến đại diện chủ sở hữu về quỹ tiền lương của người quản lý năm 2022, 2023 tại văn bản đề ngày 25/3/2023 và 27/3/2024.

- Đã xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,521 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 1,554 tỷ đồng; quỹ thù lao kế hoạch là 0,608 tỷ đồng; quỹ thù lao thực hiện là 0,588 tỷ đồng.

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,627 tỷ đồng; quỹ tiền lương thực hiện là 1,500 tỷ đồng; quỹ thù lao kế hoạch là 0,579 tỷ đồng; quỹ thù lao thực hiện là 0,580 tỷ đồng.

- Phân phối tiền lương thực hiện đối với người quản lý:

Stt	Chức danh	Tiền lương (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Giám đốc	48,38	45,43
2	Phó Giám đốc	27,24	25,08
3	Phó Giám đốc	27,38	25,08
4	Kế toán trưởng	26,57	27,26

- Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách như sau:

Stt	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch công ty	7,91	7,80
2	Thành viên HĐQT	6,33	6,24
3	Trưởng ban kiểm soát	6,33	6,24
4	Kiểm soát viên	4,75	4,68
5	Kiểm soát viên	4,75	

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ tiền thưởng của người quản lý: năm 2022, doanh nghiệp không trích thưởng cho Ban Quản lý điều hành; năm 2023, doanh nghiệp trích lập quỹ tiền thưởng của người quản lý bằng 299 triệu đồng.

- Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý.

- Phân phối tiền thưởng năm 2023 cụ thể đối với từng chức danh tại Quyết định số 05/2024/QĐ-HĐQT/HNP ngày 7/5/2024.

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: không.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các

quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã tổng hợp phương án dự kiến của doanh nghiệp về kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước, quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng kế hoạch của người lao động và người quản lý doanh nghiệp để báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

- Đã đề xuất và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp hằng năm sau khi Hội đồng quản trị thông qua.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 44 giờ/tuần đối với đối với khối văn phòng (nghỉ chiều thứ bảy và ngày chủ nhật); 03 ca đối với khối sản xuất (nghỉ 01 ngày trong tuần).

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường; 14 ngày đối với người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng năm 2024.

- Nội dung của nội quy lao động:

+ Quy định không đúng với quy định của pháp luật lao động: người lao động có nhu cầu nghỉ việc riêng phải tuân thủ các quy định về xin phép nghỉ của doanh nghiệp và chỉ được nghỉ khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 1 Điều 6.

+ Quy định về áp dụng hình thức sa thải khi người lao động có hành vi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động nhưng lại không quy định cụ thể danh mục bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp.

- Số vụ xử lý kỷ luật lao động: không phát sinh.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 62 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc.

+ Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

- Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở: không phát sinh.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên, chưa ban hành quy chế hoạt động, chưa trả phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên.

- Đã bố trí 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; 01 người làm công tác y tế.

- Đang sử dụng 80 máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (04 hệ thống lạnh, 11 bình chịu áp lực, 60 chai chứa khí nén, 04 xe nâng, 01 thang máy) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đạt yêu cầu.

- Đã xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động và người sử dụng lao động theo quy định. Thẻ an toàn lao động không có chữ ký, đóng dấu của người cấp thẻ. Giấy chứng nhận huấn luyện không có ảnh của người được huấn luyện.

- Đã trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động, chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động.

- Việc tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại: không phát sinh.

- Số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 01 vụ tai nạn giao thông khi người lao động đi từ nơi ở đến nơi làm việc. Biên bản điều tra tai nạn lao động ghi kết luận về vụ tai nạn: "Tai nạn giao thông trong quá trình đi làm và được kết luận là tai nạn lao động".

- Đã tổ chức quan trắc môi trường lao động 01 năm một lần, số mẫu đo: 20 mẫu, không có mẫu đo không đạt tiêu chuẩn vệ sinh lao động.

- Sử dụng 16 lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; không sử dụng lao động làm nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Túi sơ cứu chưa đủ loại dụng cụ (thiếu panh không mấu thẳng, panh không mấu cong, găng tay khám bệnh, nẹp cổ, nẹp cánh tay).

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động theo quy định. Lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản. Người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám sức khỏe 06 tháng một lần.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hải Dương. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Thỏa ước lao động có thỏa thuận có lợi hơn cho người lao động so với pháp luật lao động.

1.9. Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.11. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

1.12. Đã trả tiền lương ngừng việc, đã thực hiện khấu trừ lương của người lao động theo quy định.

1.13. Đang tổ chức bếp ăn ca tại doanh nghiệp cho người lao động làm việc liên tục từ 05 giờ trở lên trong một ngày với bữa ăn trị giá 28.000 đồng/người/suất.

1.14. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.15. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.16. Đã thực hiện các quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.17. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.18. Không có trường hợp phải bồi thường trách nhiệm vật chất; không phát sinh việc phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.19. Không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.20. Đã xây dựng và ban hành kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

1.21. Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

1.22. Đã bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và người làm công tác y tế theo quy định.

1.23. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.24. Đã xây dựng, ban hành nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.25. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động và người sử dụng lao động.

1.26. Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.27. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.28. Đã tổ chức khám sức khoẻ cho người lao động theo quy định.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.2. Chưa thanh toán tiền lương làm thêm giờ cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật Lao động; Điều 55 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.4. Nội quy lao động thiếu danh mục bí mật công nghệ, bí mật kinh doanh, sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động.

2.5. Nội quy lao động có quy định về người lao động có nhu cầu nghỉ việc riêng phải tuân thủ các quy định về xin phép nghỉ của doanh nghiệp và chỉ được nghỉ khi cấp có thẩm quyền phê duyệt là không đúng với quy định tại Điều 115 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động; chưa thống nhất thỏa thuận với Ban chấp hành công đoàn cơ sở về mức phụ cấp trách nhiệm để trả cho an toàn, vệ sinh viên theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.8. Thẻ an toàn lao động không có chữ ký, đóng dấu của người cấp thẻ theo mẫu 06, giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động không có ảnh của người được huấn luyện theo mẫu 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.9. Chưa tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trước khi quyết định thời hạn sử dụng, số lượng phương tiện bảo vệ cá nhân trang cấp cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.10. Chưa trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc theo Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-XPHC ngày 26/7/2024 xử phạt vi phạm hành chính hành đối với doanh nghiệp với tổng số tiền xử phạt là 34.000.000 đồng.

V. HẠN CHẾ, BẤT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Chấp hành nghiêm Quyết định số 31/QĐ-XPHC ngày 26/7/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xử phạt vi phạm hành chính nêu tại Mục IV.

2. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.1, 2.9 khi phát sinh.

- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

3. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/9/2024./.

Nơi nhận:
- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Cổng TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

Nguyễn Thị Hồng Diệp